

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 54/TLST-HNGĐ ngày 03/4/2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh **Mai Tôn Q**, sinh năm 1992.

HKTT: Đội 11, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

2. Bị đơn: Chị **Đào Thị Nh**, sinh năm 1993.

HKTT: Đội 11, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Địa chỉ nơi ở hiện tại: Xóm N, thôn T, xã Th, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu **Mai Quốc A**, sinh ngày 06/5/2013.

HKTT: Đội 11, thôn A, xã L, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người đại diện hợp pháp cho cháu Mai Quốc A là anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh (bố, mẹ đẻ của cháu).

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về quan hệ con chung: Anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Mai Quốc A, sinh ngày 06/5/2013 cho anh Mai Tôn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu A cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thống nhất thỏa thuận: Chị Đào Thị Nh cấp dưỡng tiền nuôi cháu Mai Quốc A cùng anh Mai Tôn Q là

1000.000đ/1 tháng (Một triệu đồng chẵn). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 05/2019 cho đến khi cháu A tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày anh Mai Tôn Q có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, Cơ quan Thi hành án ra quyết định thi hành, nếu chị Đào Thị Nh không chịu thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

* Về quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con sau khi ly hôn: Chị Đào Thị Nh có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu chị Nh lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Anh Mai Tôn Q có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp cho gia đình hai bên: Anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh thống nhất không có gì và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập giải quyết.

* **Về án phí:** Anh Mai Tôn Q và chị Đào Thị Nh thống nhất thỏa thuận: Anh Mai Tôn Q tự nguyện nhận chịu cả 150.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị Đào Thị Nh chịu cả 150.000đồng tiền án phí Dân sự sơ thẩm cấp dưỡng nuôi con.

Nhưng, anh Mai Tôn Q được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm anh Q đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000335 ngày 03/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H. Hoàn trả anh Mai Tôn Q số tiền chênh lệch là 150.000đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trở lại hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS TP H;
- Các đương sự;
- UBND xã L, Tp H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Vũ Công Lợi